

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST

Ngày 29/01/2018

V/v “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;

2. Ông Nguyễn Văn Hiền;

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 335/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: H Th S, sinh năm: 1975. Địa Chỉ: ấp 3, xã Ph, huyện VC, tỉnh ĐN (có mặt);

2. Bị đơn: Tr V T, sinh năm: 1970. Địa chỉ: ấp TL, xã TP, huyện CL, tỉnh TG (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 07/9/2017, lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn H Th S trình bày:**

Chị và anh Tr V T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2005. Quá trình chung sống hạnh phúc và có với nhau 03 con chung tên Tr V Th, sinh năm 1995; Tr Th Th B, sinh năm 2000 và Tr V H, sinh năm 2006. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cự cãi thường xuyên, chồng có lời lẽ xúc phạm, anh Tr V T có quan hệ bất chính, không chung thủy. Vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho chị ly hôn với anh Tr V T;

- Về con chung: Chị yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung tên Tr Th Th B, sinh năm 2000 và Tr V H, sinh năm 2006. Con chung tên Tr V Th đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết;

- Về cấp dưỡng: Chưa yêu cầu anh Tr V T cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết;

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy khai sinh con, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh Tr V T vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị H Th S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp: Xét chị H Th S yêu cầu được ly hôn với anh Tr V T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp xin ly hôn theo quy định tại Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn Tr V T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Tường theo quy định tại khoản 1, 2, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu của các bên đương sự: Tại phiên Tòa chị H Th S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị H Th S và anh Tr V T chung sống và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn khả năng đoàn tụ do anh, chị chung sống không hạnh phúc. vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay. Tại phiên tòa chị H Th S cương quyết ly hôn với anh Tr V T. Anh Tr V T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H Th S.

[2] Về con chung: Chị H Th S yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung tên Tr Th Th B, sinh năm 2000 và Tr V H, sinh năm 2006 vì hiện hai con đang sống chung với chị là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Về cấp dưỡng: Chị H Th S chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con;

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét;

[5] Về án phí: Chị H Th S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1, 2, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H Th S

1. Về hôn nhân: Cho chị H Th S được ly hôn với anh Tr V T;
2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Tr Th Th B, sinh ngày 29/10/2000 và Tr V H, sinh ngày 28/3/2006 cho chị H Th S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Tr V T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.
3. Về cấp dưỡng: Chị H Th S chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.
4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.
5. Về án phí: Chị H Th S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 14739 ngày 03/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.TG;
- VKSND.CL;
- THADS.CL;
- UBND xã Tân Luông B;
- Các Đ/S;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Phúc